



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

Phụ lục 1.5

KẾT QUẢ KỶ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NHNN TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Vị trí dự thi: Chuyên viên Nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương - Mảng Tài chính kế toán

(Đính kèm Thông báo số: ...54.../TB-NHNN ngày ..05..02/2024 của Ngân hàng Nhà nước)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ				
1	2	3		4	5	6	7	8=6+7	9
1	TCKT1042	Nguyễn Đình	Nam	28-11-1993			85.00	85.00	Trúng tuyển
2	TCKT1055	Vũ Xuân	Phương	20-06-1991			84.00	84.00	Trúng tuyển
3	TCKT1067	Nguyễn Hoài	Thương		02-12-1999		82.00	82.00	Trúng tuyển
4	TCKT1011	Chu Thị Quỳnh	Ánh		12-07-1998		80.00	80.00	Trúng tuyển
5	TCKT1001	Đỗ Phương	Anh		12-09-2001		79.00	79.00	Trúng tuyển
6	TCKT1030	Phạm Ngọc Lan	Hương		18-04-1999		78.00	78.00	Trúng tuyển
7	TCKT1063	Bùi Thị Bảo	Thoa		19-02-2001		76.00	76.00	Trúng tuyển
8	TCKT1054	Vũ Lan	Phương		18-10-1998		74.00	74.00	Trúng tuyển
9	TCKT1041	Chu Nguyệt	Minh		05-12-1994		73.00	73.00	Trúng tuyển
10	TCKT1003	Hoàng Phương	Anh		15-10-1998		70.00	70.00	
11	TCKT1008	Nguyễn Thị Mai	Anh		12-02-1998		68.00	68.00	
12	TCKT1026	Đỗ Thị	Hiền		19-04-1995		68.00	68.00	
13	TCKT1004	Lê Hải	Anh		23-07-2000		67.00	67.00	
14	TCKT1002	Dương Quỳnh	Anh		26-10-1997		66.00	66.00	
15	TCKT1037	Nguyễn Thị Diệu	Linh		26-06-1999		66.00	66.00	
16	TCKT1043	Hoàng Thị Hằng	Nga		28-04-1993		66.00	66.00	
17	TCKT1007	Nguyễn Thị	Anh		12-11-2000		65.00	65.00	
18	TCKT1013	Phạm Hoà	Bình		14-10-1997	5	60.00	65.00	
19	TCKT1021	Lê Thị Thu	Hằng		17-02-1999		65.00	65.00	
20	TCKT1059	Hà Thái	Thanh		14-05-1987		65.00	65.00	
21	TCKT1072	Kiều Quang	Tồn	04-08-1990			65.00	65.00	
22	TCKT1080	Nguyễn Thị Thúy	Vân		24-02-1993		65.00	65.00	
23	TCKT1017	Đỗ Thị	Dung		06-08-1991		64.00	64.00	
24	TCKT1039	Lê Thị	Mai		10-04-1993		64.00	64.00	



4

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ				
1	2	3		4	5	6	7	8=6+7	9
25	TCKT1078	Đỗ Thị Tú	Uyên		17-02-1992		64.00	64.00	
26	TCKT1027	Trần Thị	Hoài		10-09-1992		63.00	63.00	
27	TCKT1050	Trần Phương	Nhung		07-12-1998		63.00	63.00	
28	TCKT1058	Nguyễn Hồng	Sơn	03-08-2000			63.00	63.00	
29	TCKT1029	Lê Việt	Hùng	17-07-1994			62.00	62.00	
30	TCKT1036	Lê Bá Đức	Linh	13-05-1996			62.00	62.00	
31	TCKT1038	Trần Phương	Linh		02-11-1995		62.00	62.00	
32	TCKT1047	Nguyễn Yến	Nhi		25-01-2001		62.00	62.00	
33	TCKT1049	Ngô Trang	Nhung		29-10-1989		62.00	62.00	
34	TCKT1061	Trần Hương	Thảo		30-07-2000		62.00	62.00	
35	TCKT1020	Bùi Thị Thu	Hằng		17-10-1996		61.00	61.00	
36	TCKT1060	Trần Thị	Thành		19-05-1992		61.00	61.00	
37	TCKT1057	Mông Thị Cúc	Quỳnh		23-02-1995	5	55.00	60.00	
38	TCKT1068	Đào Thị	Thủy		25-01-2001	5	55.00	60.00	
39	TCKT1071	Nguyễn Thu	Thùy		05-01-2001		60.00	60.00	
40	TCKT1075	Vũ Cẩm	Tú		05-09-2001		60.00	60.00	
41	TCKT1077	Vũ Thị	Tuyến		24-05-1992				Không phỏng vấn
42	TCKT1019	Cao Hoàng	Hà		22-10-1996				Vắng
43	TCKT1051	Đào Thu	Phương		14-11-2001				Vắng
44	TCKT1074	Lê Đào Thiên	Trang		14-08-2001				Vắng

